VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 142/2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2017*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được quy định tại Nghị định này, bao gồm:

a) Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng hàng hải;

b) Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn;

c) Vi phạm quy định về hoạt động của tàu thuyền tại cảng biển;

d) Vi phạm quy định về đăng ký tàu thuyền và bố trí thuyền viên; sử dụng chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên;

đ) Vi phạm quy định về hoa tiêu hàng hải;

e) Vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh vận tải biển, vận tải đa phương thức, dịch vụ hỗ trợ vận tải biển và cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;

g) Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu thuyền và hoạt động phá dỡ tàu thuyền;

h) Vi phạm quy định về an toàn Công-te-nơ;

i) Vi phạm quy định về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng hải; trục vớt tài sản chìm đắm và báo hiệu hàng hải;

k) Vi phạm quy định về đào tạo, huấn luyện thuyền viên;

l) Vi phạm quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển tại cảng biển.

3. Các hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d, đ, e, i và l khoản 2 Điều này nếu xảy ra ở ngoài vùng nước cảng biển mà chưa được quy định tại Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.

4. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực hàng hải không được quy định tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều 60, 61, 62 và 63 của Nghị định này khi phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản này được xử phạt theo thẩm quyền.

5. Việc xử lý hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định có liên quan của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; người có thẩm quyền lập biên bản và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa

của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc trên tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này và quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam về xử lý vi phạm hành chính, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

3. Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, người có thẩm quyền xác định cụ thể việc xử phạt đối với tổ chức, cá nhân để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải là 01 năm; đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng cảng biển, cảng cạn, công trình hàng hải, bảo vệ môi trường, thời hiệu xử phạt là 02 năm.

Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây đối với mỗi hành vi vi phạm:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định cụ thể tại Chương II của Nghị định này.

4. Đối với các hành vi vi phạm hành chính được quy định mức xử phạt theo dung tích của tàu thuyền, tổng dung tích (GT) là dung tích được đo theo quy định của Công ước quốc tế về đo dung tích tàu năm 1969, được ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp.

Trường hợp giấy chứng nhận của tàu thuyền không ghi GT, tổng dung tích của tàu thuyền được tính quy đổi như sau:

a) Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải được tính bằng 01 GT;

b) Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần được tính bằng 01 GT;

c) Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách (kể cả thủy phi cơ) và cẩu nổi: 01 mã lực (HP, CV) được tính bằng 0,5 GT; 01 KW được tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cẩu đặt trên tàu thuyền được tính bằng 06 GT;

d) Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách được tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm được tính bằng 04 GT;

đ) Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: Được tính bằng tổng dung tích của cả đoàn bao gồm sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy;

e) Việc quy đổi quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều này được chọn phương thức quy đổi có tổng dung tích lớn nhất;

g) Đơn vị tính công suất máy: Công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP hoặc 01 KW được tính tròn bằng 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.

Điều 5. Nguyên tắc xác định mức phạt tiền

Mức phạt tiền của mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân; trường hợp có cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Điều 6. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính

1. Trong những trường hợp cần thiết quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền được phép tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được sử dụng để thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại: khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 5 Điều 14; điểm a khoản 2, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 17; điểm b khoản 4 Điều 20; khoản 2 Điều 25; điểm c khoản 3 Điều 40; điểm b, c khoản 4 Điều 42; điểm b khoản 5 Điều 46 và điểm b khoản 4 Điều 47 Nghị định này.

2. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì có thể bị tạm giữ

giấy phép, chứng chỉ hành nghề để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt. Việc tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời gian chờ ra quyết định không làm ảnh hưởng quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức đó.

3. Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Chương III Nghị định này thì có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. Trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy thì người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính phải tạm giữ ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

4. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, Luật xử lý vi phạm hành chính và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 7. Vi phạm quy định về công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, cầu cảng, bến cảng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cố tình khai báo sai lệnh thông tin trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, cầu cảng, bến cảng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cố tình sử dụng giấy tờ tẩy xóa, sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, cầu cảng, bến cảng.

Điều 8. Vi phạm quy định về đặt tên, đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tự ý đặt tên, đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước,

vùng nước hoặc sử dụng, giao dịch bằng tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước không đúng với tên do cơ quan có thẩm quyền công bố.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thay đổi, sửa chữa tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước đúng với tên do cơ quan có thẩm quyền công bố đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về cho thuê lại kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê lại kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng khi chưa có văn bản chấp thuận của bên cho thuê.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi bên thuê lại cho thuê kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được thuê.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số tiền bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, trật tự trong hoạt động khai thác cảng biển

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi vào, rời vùng đất cảng hoặc lên tàu thuyền không tuân theo chỉ dẫn của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vào, rời vùng đất cảng hoặc lên tàu thuyền không được phép của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm quy định về dấu hiệu cảnh báo cho tàu cập cầu an toàn theo quy định;

b) Không bố trí người buộc, cởi dây cho tàu thuyền theo quy định;

c) Không thông báo kế hoạch điều độ tàu thuyền vào, rời cảng cho Cảng vụ hàng hải theo quy định;

d) Để các vật trên cầu cảng hoặc chiếm dụng không gian phía trên cầu cảng gây trở ngại cho tàu thuyền cập, rời cầu cảng hoặc gây trở ngại cho các hoạt động khác tại cảng.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng người lao động không có giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định;

b) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về các sự cố, tai nạn có liên quan đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và ô nhiễm môi trường tại cảng theo quy định;

c) Không cung cấp cho Cảng vụ hàng hải số liệu độ sâu vùng nước trước cầu cảng định kỳ theo quy định;

d) Không thực hiện khảo sát định kỳ để công bố thông báo hàng hải về độ sâu vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước khác theo quy định;

đ) Thiết bị chiếu sáng tại cầu cảng không hoạt động được hoặc hoạt động không đúng quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Cho tàu thuyền vào cảng hoặc neo đậu tại vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

b) Tự ý bốc, dỡ hàng hóa khi tàu thuyền chưa hoàn thành thủ tục vào cảng theo quy định;

c) Hệ thống đệm chống va, bích buộc tàu của cầu cảng không đủ hoặc không bảo đảm an toàn cho tàu thuyền neo đậu;

d) Không có hoặc không làm thủ tục xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển theo quy định hoặc không thực hiện đầy đủ Kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt theo quy định;

đ) Không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, chính xác các thông tin an ninh hàng hải cho cơ quan có thẩm quyền; không tổ chức diễn tập hoặc không thực tập kết nối thông tin an ninh hàng hải theo quy định;

e) Không bố trí đủ cán bộ an ninh cảng biển theo quy định;

g) Bố trí cầu cảng, bến phao cho tàu thuyền vào, rời không bảo đảm thời gian theo kế hoạch điều động tàu thuyền của Cảng vụ hàng hải hoặc không bảo đảm các điều kiện theo quy định;

h) Không trang bị thiết bị chiếu sáng tại cầu cảng theo quy định.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Khai thác cảng không đúng với công năng của cảng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố;

b) Cho tàu thuyền cập cầu cảng khi cầu cảng chưa được phép đưa vào khai thác, sử dụng;

c) Không có kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt theo quy định;

d) Không thực hiện kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng đúng thời hạn quy định;

đ) Không tuân thủ đúng quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan trong kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng.

7. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ việc tiếp nhận tàu thuyền hoạt động tuyến quốc tế vào cảng biển từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d và e khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về bốc dỡ, lưu kho, chất xếp hàng hóa

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi bốc, dỡ và lưu kho các loại hàng hóa không theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chất xếp hàng hóa trên cầu cảng quá tải trọng cho phép.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc dỡ bỏ phần hàng hóa chất xếp quá tải trọng cho phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hàng hải và bảo vệ môi trường khi xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp cảng biển hoặc khi xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị khác ảnh hưởng đến an toàn hàng hải tại vùng nước cảng biển

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công công trình không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có trang thiết bị cứu sinh hoặc trang thiết bị cứu sinh không phù hợp theo quy định;

b) Không thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết về việc xây dựng các công trình khác trong vùng nước cảng biển;

c) Thiết lập báo hiệu hàng hải không đầy đủ hoặc thiết lập báo hiệu hàng hải không phù hợp theo quy định hoặc báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc báo hiệu sai lệch khu vực đang thi công công trình;

d) Tàu công trình, tàu phục vụ thi công công trình neo đậu ngoài vùng giới hạn cho phép, gây cản trở giao thông hàng hải trên luồng hàng hải;

đ) Không ghi chép kết quả giám sát về quá trình thi công nạo vét và chuyển đổ bùn đất nạo vét hoặc không ghi nhật ký thi công theo quy định; không thực hiện báo cáo định kỳ với Cảng vụ hàng hải và Cục Hàng hải Việt Nam về tình hình, kết quả thực hiện dự án nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định;

e) Đóng đăng đáy hoặc đặt các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, khai thác tài nguyên trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải khi chưa được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải hoặc không đúng vị trí hoặc không đúng thời gian đã được chấp thuận.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công sai vị trí được phép;

b) Thi công quá thời gian quy định ghi trong giấy phép thi công hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

c) Sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dùng để khảo sát, nạo vét luồng, thiết lập báo hiệu hàng hải và tiến hành các hoạt động khác trong vùng nước cảng biển khi chưa được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải theo quy định;

d) Không thu dọn, thanh thải chướng ngại vật phát sinh trong quá trình thi công sau khi công trình đã hoàn thành;

đ) Không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e) Tạo các chướng ngại vật trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam gây ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải;

g) Lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đổ bùn đất trong thi công nạo vét, duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước không phù hợp theo quy định; hệ thống giám sát nạo vét không bảo đảm thông số kỹ thuật tối thiểu hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động hoặc hoạt động không liên tục, ổn định theo quy định;

h) Không bố trí tư vấn giám sát trên phương tiện tham gia vận chuyển bùn đất trong thi công nạo vét theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thiết lập báo hiệu hàng hải theo quy định;

b) Không lắp đặt theo quy định hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đổ bùn đất trong thi công nạo vét, duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước;

c) Không có hoặc không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền và để xảy ra tai nạn;

b) Thi công sai vị trí được phép và để xảy ra tai nạn;

c) Không có hoặc không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến xảy ra tai nạn.

7. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp cảng biển hoặc xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị khác có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trang bị thiết bị cứu sinh hoặc trang bị thiết bị cứu sinh phù hợp theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc thiết lập đầy đủ, thiết lập báo hiệu hàng hải phù hợp theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do các hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, e khoản 2 và điểm e khoản 3 Điều này;

d) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trái phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3, khoản 5 và điểm a, b khoản 6 Điều này;

đ) Buộc khắc phục hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đổ bùn đất trong thi công phải bảo đảm hoạt động sẵn sàng, liên tục đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 3 Điều này;

e) Buộc lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đổ bùn đất trong thi công đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

g) Buộc phải có phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về phòng, chống cháy, nổ tại cảng biển

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có bảng nội quy, biển báo hoặc chỉ dẫn cảnh báo ở những nơi dễ cháy, nổ theo quy định;

b) Sử dụng các trang, thiết bị chữa cháy chuyên dùng sai mục đích.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Các trang, thiết bị chữa cháy không đúng quy định hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động hoặc hết hạn sử dụng theo quy định;

b) Không đặt đúng nơi quy định hoặc không bố trí các thiết bị phòng, chống cháy, nổ thích hợp với loại hàng hóa đang vận chuyển, bốc dỡ.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có đủ hệ thống phòng, chống cháy, nổ theo quy định;

b) Không báo cáo kịp thời cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về các sự cố, tai nạn cháy, nổ;

c) Sử dụng người lao động không được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ hoặc không được huấn luyện về phòng, chống cháy, nổ theo quy định;

d) Không có sơ đồ hệ thống phòng cháy, chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Vi phạm quy định về tải trọng của phương tiện trong vùng đất cảng

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của phương tiện vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 10% đến 20%, trừ trường hợp có quy định khác.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chở hàng vượt khổ giới hạn của cầu, đường theo quy định;

b) Điều khiển phương tiện vượt quá khổ giới hạn của cầu, đường theo quy định;

c) Điều khiển phương tiện mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của phương tiện hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên phương tiện, người được chở trên phương tiện) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 20% đến 50%, trừ trường hợp có quy định khác.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của phương tiện hoặc tải trọng trục phương tiện (bao gồm cả hàng hóa xếp trên phương tiện, người được chở trên phương tiện) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 50% đến 100%, trừ trường hợp có quy định khác.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của phương tiện hoặc tải trọng trục phương tiện (bao gồm cả hàng hóa xếp trên phương tiện, người được chở trên phương tiện) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 100% đến 150%, trừ trường hợp có quy định khác.

5. Phạt tiền từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển phương tiện mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của phương tiện hoặc tải trọng trục phương tiện (bao gồm cả hàng hóa xếp trên phương tiện, người được chở trên phương tiện) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 150%;

b) Không chấp hành việc kiểm tra tải trọng, khổ giới hạn phương tiện khi có tín hiệu, hiệu lệnh yêu cầu kiểm tra tải trọng, khổ giới hạn phương tiện; chuyển tải hoặc dùng các thủ đoạn khác để trốn tránh việc phát hiện phương tiện chở quá tải, quá khổ.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) có thời hạn từ 02 tháng đến 04 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) có thời hạn từ 03 tháng đến 05 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải hạ phần hàng quá tải, dỡ phần hàng quá khổ theo hướng dẫn của lực lượng chức năng tại nơi phát hiện vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về cân xác nhận khối lượng toàn bộ đối với mỗi Công-te-nơ vận tải biển quốc tế

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không cân xác nhận khối lượng toàn bộ Công-te-nơ hoặc cân xác nhận khối lượng toàn bộ Công-te-nơ không đúng phương pháp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xác nhận hoặc xác nhận không đúng khối lượng toàn bộ Công-te-nơ theo quy định.

Điều 16. Vi phạm quy định về xếp hàng hóa lên xe ô tô trong vùng đất cảng

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 10% đến 50%;

b) Xếp hàng hóa lên xe ô tô mà không ký xác nhận việc xếp hàng hóa vào Giấy vận tải theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100%.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100%.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải hạ phần hàng xếp vượt quá tải trọng cho phép chở của xe ô tô trong trường hợp xe ô tô được xếp hàng chưa rời khỏi khu vực xếp hàng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô trong vùng đất cảng

1. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/giờ đến dưới 10 km/giờ.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí thở;

b) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/giờ đến 20 km/giờ.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/giờ đến 35 km/giờ.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/01 lít khí thở;

b) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/giờ.

5. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/01 lít khí thở.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 mà gây tai nạn giao thông hoặc hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn từ 03 tháng đến 05 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

d) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ có thời hạn 04 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường do hoạt động khai thác cảng biển

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí phương tiện, thiết bị để tiếp nhận rác thải, nước thải và chất lỏng độc hại khác từ tàu thuyền theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện đầy đủ kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về bảo vệ công trình hàng hải

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Không kịp thời khắc phục, sửa chữa hư hỏng của công trình hàng hải theo quy định;

b) Không xây dựng phương án bảo vệ công trình hàng hải theo quy định hoặc không tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình hàng hải đã được phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Xây dựng và khai thác trái phép các công trình cảng biển, công trình khác trong phạm vi quy hoạch cảng biển đã được phê duyệt, trong luồng hàng hải và phạm vi bảo vệ công trình hàng hải hoặc xây dựng công trình làm giảm hoặc mất tác dụng của công trình hàng hải;

b) Đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước trước cầu, bến cảng, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải, hành lang an toàn bảo vệ luồng hàng hải và những khu vực khác trong phạm vi bảo vệ công trình hàng hải;

c) Lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình hàng hải;

d) Thực hiện các hành vi gây cản trở việc quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ công trình hàng hải.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Phá hủy, làm hư hỏng, tháo gỡ, trộm cắp cấu kiện, phụ kiện và các thiết bị của công trình hàng hải mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Làm hư hỏng, phá hủy, tự ý di chuyển hoặc làm giảm hiệu lực của các thiết bị báo hiệu hàng hải;

c) Điều khiển tàu thuyền và phương tiện khác sai quy định gây đâm va ảnh hưởng đến chất lượng công trình hàng hải.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Nổ mìn hoặc các vật liệu nổ khác trong phạm vi cảng biển, vùng nước cảng biển, luồng hàng hải khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Xếp, chứa các chất dễ cháy nổ, các chất nguy hại trái quy định có khả năng gây ăn mòn hoặc hư hỏng công trình hàng hải khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Khai thác khoáng sản, nạo vét trái phép trên luồng hàng hải, phạm vi bảo vệ luồng hàng hải, vùng nước cảng biển;

d) Thải các chất thải làm hư hại, ảnh hưởng đến độ bền và tuổi thọ của công trình hàng hải;

đ) Nạo vét trái phép trên luồng hàng hải, phạm vi bảo vệ luồng hàng hải, vùng nước cảng biển hoặc nạo vét không đúng yêu cầu kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xây dựng phương án bảo vệ công trình hàng hải hoặc buộc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình hàng hải đã được phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về sử dụng giấy chứng nhận và điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, cho mượn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh khai thác cảng biển không đúng giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định;

b) Không có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy hoặc không có phương án chữa cháy theo quy định;

c) Không có đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

d) Không có đủ cơ sở vật chất, kho, bãi, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với cảng biển hoặc không có hợp đồng thuê kho, bãi với thời gian thuê kho, bãi tối thiểu là 05 năm đối với trường hợp cảng biển không có đủ kho, bãi theo quy định;

đ) Không có đủ phương tiện tiếp nhận, thu hồi các chất thải từ tàu để xử lý theo quy định;

e) Không có đủ nhân lực hoặc hệ thống, công trình hoặc thiết bị quản lý, xử lý chất thải phát sinh tại khu vực cảng biển theo quy định;

g) Kinh doanh khai thác cảng biển không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển;

b) Cố tình sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc giả mạo trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về công khai thông tin về giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa Công-te-nơ bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không niêm yết giá vận chuyển bằng đường biển, phụ thu, giá dịch vụ tại cảng biển trên trang thông tin điện tử hoặc tại trụ sở của doanh nghiệp theo quy định;

b) Niêm yết giá vận chuyển bằng đường biển, phụ thu, giá dịch vụ tại cảng biển không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm.

Điều 22. Vi phạm quy định về kê khai giá dịch vụ tại cảng biển

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đủ các nội dung của văn bản kê khai giá sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá đã có văn bản nhắc nhở, yêu cầu nộp lại văn bản kê khai giá.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản về mức giá điều chỉnh tăng hoặc giảm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp phải thực hiện thông báo giá theo quy định của pháp luật về giá;

b) Áp dụng mức giá kê khai không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về giá kể từ ngày thực hiện kê khai giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 23. Vi phạm quy định về giá dịch vụ tại cảng biển

1. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp dịch vụ tại cảng biển không đúng với mức giá cụ thể hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho khách hàng toàn bộ tiền chênh lệch do bán cao hơn mức giá quy định và mọi chi phí phát sinh do hành vi vi phạm gây ra tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp khó thực hiện hoặc không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp toàn bộ số tiền chênh lệch vào ngân sách nhà nước.

Mục 2
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ KHAI THÁC CẢNG CẠN

Điều 24. Vi phạm quy định về đầu tư xây dựng cảng cạn

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công công trình không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công sai vị trí được phép;

b) Thi công quá thời gian quy định ghi trong giấy phép thi công hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không thu dọn, thanh thải chướng ngại vật phát sinh trong quá trình thi công sau khi công trình đã hoàn thành;

d) Không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Thi công công trình khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền và để xảy ra tai nạn;

b) Thi công sai vị trí được phép và để xảy ra tai nạn;

c) Không có hoặc không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến xảy ra tai nạn;

d) Kết cấu hạ tầng cảng cạn được đầu tư xây dựng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với cảng cạn để thực hiện các chức năng của cảng cạn.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trái phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; điểm a, b khoản 2; khoản 3; điểm a, b khoản 4 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về công bố mở cảng cạn

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cố tình khai báo sai lệnh thông tin trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng cạn.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cố tình sử dụng giấy tờ tẩy xóa, sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng cạn.

Điều 26. Vi phạm quy định về đặt tên, đổi tên cảng cạn

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tự ý đặt tên, đổi tên cảng cạn không đúng với tên do cơ quan có thẩm quyền công bố.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thay đổi, sửa chữa tên cảng cạn đúng với tên do cơ quan có thẩm quyền công bố đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về cho thuê lại kết cấu hạ tầng cảng cạn

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê lại kết cấu hạ tầng cảng cạn khi chưa có văn bản chấp thuận của bên cho thuê.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi bên thuê lại cho thuê kết cấu hạ tầng cảng cạn được thuê.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số tiền bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong hoạt động khai thác cảng cạn

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng người lao động không có giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định;

b) Không thông báo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành Nội quy cảng cạn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có cơ sở vật chất kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định;

b) Không có phương án khai thác bảo đảm các yếu tố về an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi khai thác cảng cạn không đúng với chức năng của cảng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.

Điều 29. Vi phạm quy định về bốc dỡ, lưu kho hàng hóa

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi bốc dỡ và lưu kho các loại hàng hóa không theo quy định.

Điều 30. Vi phạm quy định về phòng, chống cháy, nổ tại cảng cạn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có bảng nội quy, biển báo hoặc chỉ dẫn cảnh báo ở những nơi dễ cháy, nổ;

b) Sử dụng các trang, thiết bị chữa cháy chuyên dùng sai mục đích.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Các trang, thiết bị chữa cháy không đúng quy định hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động hoặc hết hạn sử dụng theo quy định;

b) Không đặt đúng nơi quy định hoặc không bố trí các thiết bị phòng, chống cháy, nổ thích hợp với loại hàng hóa đang vận chuyển, bốc, dỡ.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có đủ hệ thống phòng, chống cháy, nổ theo quy định;

b) Sử dụng người lao động không được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ hoặc không được huấn luyện về phòng, chống cháy, nổ theo quy định;

c) Không có sơ đồ hệ thống phòng cháy, chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án khai thác bảo đảm phòng, chống cháy, nổ theo quy định.

Mục 3
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 31. Vi phạm quy định về thủ tục đến cảng biển hoặc quá cảnh

1. Đối với hành vi vi phạm của tàu thuyền khi đến cảng hoặc quá cảnh không thực hiện việc thông báo, xác báo theo quy định hoặc thực hiện việc thông báo, xác báo chậm hơn thời gian quy định; tàu thuyền đến vị trí dự kiến đến cảng hoặc đến vị trí đón, trả hoa tiêu để vào cảng hoặc quá cảnh chậm hơn thời gian đã xác báo; tàu thuyền đến cảng không thực hiện khai báo an ninh tàu biển cho Cảng vụ hàng hải theo quy định hoặc thực hiện việc khai báo an ninh tàu biển chậm hơn thời gian quy định sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

2. Đối với hành vi tàu thuyền đến cảng hoặc quá cảnh mà không làm thủ tục theo quy định sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

Điều 32. Vi phạm quy định về thủ tục vào, rời cảng biển hoặc quá cảnh

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đủ hoặc sai một trong các thông tin trong thông báo, xác báo tàu đến,

rời cảng hoặc bản khai chung hoặc danh sách thuyền viên, danh sách hành khách theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng biển hoặc quá cảnh chậm hơn thời gian quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Thiếu một trong các giấy tờ khi làm thủ tục vào, rời cảng hoặc quá cảnh theo quy định;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ giấy tờ về hàng hóa nguy hiểm được vận chuyển trên tàu theo quy định;

c) Không có bản chính hoặc bản sao công chứng bảo lãnh ngân hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với tàu biển để chi trả chi phí hồi hương cho thuyền viên theo quy định;

d) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin về vũ khí, vật liệu nổ, người trốn trên tàu theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tự ý bốc dỡ hàng hóa hoặc cho thuyền viên, hành khách hoặc những người không có nhiệm vụ lên tàu trước khi tàu làm xong thủ tục nhập cảnh hoặc rời tàu sau khi đã làm xong thủ tục xuất cảnh theo quy định.

5. Đối với hành vi không có giấy phép rời cảng cuối cùng theo quy định hoặc cố tình rời cảng khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi của tàu thuyền nước ngoài tham gia vận tải nội địa hoặc thực hiện các hoạt động đặc thù khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khai báo bổ sung và đính chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thanh toán phí, lệ phí hàng hải và các khoản tiền liên quan khác theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 33. Vi phạm quy định về an toàn, an ninh, trật tự, vệ sinh đối với các hoạt động liên quan đến tàu thuyền

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi bơi lội hoặc làm mất trật tự công cộng trong khu vực cảng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Kéo còi hoặc dùng loa điện để thông tin cho trường hợp không phải là cấp cứu hoặc báo động khẩn cấp theo quy định;

b) Tàu thuyền nước ngoài treo cờ lễ, cờ tang hoặc kéo còi trong các dịp nghi lễ của quốc gia tàu mang cờ mà không thông báo trước cho Cảng vụ hàng hải;

c) Tổ chức bơi lội trong vùng nước cảng khi chưa được chấp thuận của Cảng vụ hàng hải;

d) Treo cờ hiệu không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không treo hoặc treo Quốc kỳ Việt Nam không đúng quy định;

b) Không ghi hoặc không ghi đầy đủ, chính xác nội dung của nhật ký hàng hải, nhật ký máy hoặc các loại nhật ký khác theo quy định.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Để các trang thiết bị, tài sản của tàu thuyền hoặc của thuyền viên trên mặt cầu cảng không đúng nơi quy định;

b) Tiến hành sửa chữa, thử máy, thử còi khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

c) Không trực kênh VHF hoặc sử dụng kênh VHF sai quy định;

d) Tiến hành hun chuột, khử trùng không đúng nơi quy định;

đ) Không có dụng cụ chắn chuột theo quy định hoặc sử dụng dụng cụ chắn chuột không đúng quy định;

e) Sử dụng xuồng, phao bè của tàu khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

g) Không thực hiện chế độ trực ca theo quy định;

h) Không bố trí hoặc bố trí sĩ quan an ninh tàu biển không đúng quy định;

i) Không duy trì cấp độ an ninh tàu theo quy định;

k) Không duy trì hoạt động 24/24 giờ của thiết bị an ninh tàu theo quy định; thông báo hoặc phát không đúng với tình trạng an ninh thực tế của tàu biển;

l) Không có kế hoạch an ninh tàu biển theo quy định đối với tàu biển chở khách, tàu biển chở hàng từ 500 GT trở lên và giàn di động mang cờ quốc tịch Việt Nam chạy tuyến quốc tế;

m) Để tàu thuyền rê neo, kéo neo ngầm dưới nước khi đang hoạt động trong luồng, kênh đào, vùng nước trước cầu cảng.

5. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều động tàu thuyền vào, rời cảng biển hoặc cập, rời cầu cảng mà thuyền trưởng không có mặt ở buồng lái theo quy định;

b) Tiến hành các hoạt động mò, lặn hoặc các công việc khác ngầm dưới nước tại vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải hoặc tiến hành các công việc đó không có báo hiệu cảnh báo theo quy định;

c) Tổ chức thi đấu thể thao hoặc các hoạt động tập trung nhiều phương tiện trong vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

d) Sử dụng tàu thuyền thể thao, du lịch hoạt động trong vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

đ) Không sử dụng hoặc sử dụng không phù hợp các báo hiệu theo quy định;

e) Tàu thuyền không ghi rõ tên hoặc số hiệu, số IMO, cảng đăng ký, vạch mớn nước theo quy định;

g) Không lắp đặt, duy trì tình trạng kỹ thuật của thiết bị giám sát hành trình của tàu cao tốc hoặc lắp đặt mà không bật thiết bị giám sát hành trình của tàu cao tốc theo quy định.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo cho Cảng vụ hàng hải về sự cố, tai nạn hàng hải do tàu mình gây ra hoặc vi phạm quy định khác về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải;

b) Không trang bị đủ trang thiết bị hàng hải trên tàu thuyền theo quy định hoặc có nhưng không hoạt động, không sử dụng được;

c) Không duy trì liên lạc với Cảng vụ hàng hải qua VHF trên kênh đã được thông báo hoặc các thiết bị thông tin liên lạc khác;

d) Không duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động (AIS) theo quy định;

đ) Không duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng và truy theo tầm xa (LRIT) theo quy định;

e) Không duy trì hoạt động của phao vô tuyến định vị vị trí khẩn cấp (EPIRB), thiết bị phát đáp radar hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn (SART) theo quy định; phao EPIRB không hoạt động hoặc báo hiệu sai lệch dữ liệu, thông tin đã được đăng ký;

g) Thiếu hoặc không có trang thiết bị cứu sinh hoặc bố trí, lắp đặt trang thiết bị cứu sinh của tàu thuyền không đúng quy định hoặc trang thiết bị cứu sinh không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động theo quy định;

h) Không tuân theo quy định khi tàu thuyền hành trình hoặc tránh, vượt nhau trên luồng quy định cấm tránh, vượt;

i) Điều động tàu thuyền chạy quá tốc độ cho phép tại khu vực có quy định giới hạn tốc độ;

k) Điều động tàu thuyền chạy thử mà chưa được phép của cảng vụ hàng hải;

l) Khai không đúng nội dung yêu cầu ghi tại giấy đăng ký của tàu thuyền.

7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều động tàu thuyền vào, rời cảng biển hoặc cập, rời cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước gây tai nạn hàng hải ít nghiêm trọng mà thuyền trưởng không có mặt ở buồng lái hoặc tàu thuyền không tuân theo quy định khi hành trình, tránh, vượt nhau trên luồng hàng hải gây tai nạn hàng hải ít nghiêm trọng;

b) Đi ngược chiều trong luồng quy định một chiều.

8. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi điều động tàu thuyền vào, rời cảng biển hoặc cập, rời cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước gây tai nạn hàng hải nghiêm trọng mà thuyền trưởng không có mặt ở buồng lái hoặc tàu thuyền không tuân theo quy định khi hành trình, tránh, vượt nhau trên luồng hàng hải gây tai nạn hàng hải nghiêm trọng.

9. Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi điều động tàu thuyền vào, rời cảng biển hoặc cập, rời cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước gây tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng mà thuyền trưởng không có mặt ở buồng lái theo quy định hoặc tàu thuyền không tuân theo quy định khi hành trình, tránh, vượt nhau trên luồng hàng hải gây tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng.

10. Đối với hành vi tàu thuyền hoạt động không đúng vùng được phép hoạt động theo quy định sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

11. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bỏ trốn sau khi gây tai nạn hàng hải;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không trung thực các tài liệu, vật chứng liên quan khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình điều tra tai nạn hàng hải.

12. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 và điểm a khoản 11 Điều này.

13. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc di chuyển chướng ngại vật do vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Buộc di rời khỏi vùng hoạt động cho phù hợp với cấp tàu hoạt động đối với hành vi được quy định tại khoản 10 Điều này.

Điều 34. Vi phạm quy định về phòng, chống cháy, nổ đối với tàu thuyền

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi hút thuốc ở nơi cấm hút thuốc hoặc đối với các hành vi vô ý có thể gây cháy, nổ trên tàu thuyền.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có các dấu hiệu cảnh báo hoặc chỉ dẫn ở những nơi dễ cháy, dễ nổ theo quy định;

b) Không có sơ đồ hệ thống kiểm soát cháy, bảng phân công chữa cháy hoặc bảng chỉ dẫn thao tác ở những vị trí trên tàu theo quy định;

c) Trang thiết bị chữa cháy đặt không đúng vị trí quy định trên tàu thuyền;

d) Thuyền viên không sử dụng thành thạo các trang thiết bị chữa cháy của tàu thuyền;

đ) Sử dụng trang thiết bị chữa cháy của tàu không đúng quy định;

e) Không thực hiện đúng quy trình bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị phòng chống cháy, nổ.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không trang bị đầy đủ các trang thiết bị phòng, chống cháy nổ theo quy định hoặc trang thiết bị phòng, chống cháy, nổ không sử dụng được hoặc hết hạn sử dụng;

b) Không có kế hoạch ứng cứu phòng, chống cháy, nổ trong trường hợp khẩn cấp;

c) Tiến hành các công việc có phát ra tia lửa ở trên boong tàu, hầm hàng, buồng máy khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải;

d) Sử dụng phương tiện chuyên dùng chữa cháy vào mục đích khác;

đ) Không có trang thiết bị chữa cháy hoặc trang thiết bị chữa cháy không phù hợp hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động hoặc hết hạn sử dụng theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện chậm trễ hoặc không thực hiện mệnh lệnh của Cảng vụ hàng hải về tham gia chữa cháy ở cầu cảng, vùng nước cảng biển.

Điều 35. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường do tàu thuyền gây ra

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không trang bị các thiết bị chứa, phân loại rác theo quy định hoặc không dự trữ rác đúng nơi quy định;

b) Gõ rỉ, sơn tàu thuyền khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí hoặc bố trí người trực không đủ tiêu chuẩn để tiếp nhận nhiên liệu trên tàu.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bơm, xả các loại rác hoặc nước dằn tàu, nước có cặn bẩn từ tàu xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển không đúng quy định;

b) Tiến hành bơm chuyển nhiên liệu giữa tàu thuyền và phương tiện khác khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải theo quy định;

c) Không có đủ các trang thiết bị phân ly dầu nước theo quy định hoặc có trang thiết bị nhưng không sử dụng được;

d) Không chấp hành một trong những quy trình, quy tắc an toàn kỹ thuật khi tiếp nhận nhiên liệu;

đ) Cho tàu thuyền khác cập mạn khi đang trong quá trình tiếp nhận nhiên liệu giữa hai tàu;

e) Sử dụng lò đốt rác, lò đốt chất thải trong khu vực cảng biển hoặc sử dụng dầu nhiên liệu chạy máy chính, máy đèn có hàm lượng lưu huỳnh vượt quá chỉ số mức Nox, SO2 cho phép.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi đổ bùn, đất, chất thải từ nạo vét không đúng vị trí quy định.

5. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đổ bùn đất, chất thải từ nạo vét không đúng vị trí quy định trong phạm vi luồng hàng hải, vùng nước trước cầu, bến cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3; khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 36. Vi phạm quy định về an toàn sinh mạng trên tàu thuyền

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có bảng phân công nhiệm vụ trong tình huống khẩn cấp tại các vị trí theo quy định hoặc có bảng phân công nhiệm vụ nhưng không phù hợp với thuyền bộ của tàu hoặc bảng quy định đã bị hư hỏng;

b) Không có các bảng chỉ dẫn thao tác các thiết bị cứu sinh, cứu thủng tàu theo quy định hoặc các bảng chỉ dẫn đã bị hư hỏng;

c) Không có phiếu trách nhiệm cá nhân khi báo động ở những nơi quy định trên tàu hoặc phiếu trách nhiệm cá nhân không phù hợp với thuyền bộ của tàu;

d) Thuyền viên không sử dụng thành thạo các trang thiết bị cứu sinh, cứu thủng của tàu;

đ) Thuyền trưởng không tổ chức thực tập cứu sinh, chữa cháy theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Cầu thang mạn không có lưới bảo hiểm hoặc đèn chiếu sáng theo quy định;

b) Sử dụng trang thiết bị cứu sinh, cứu thủng, phòng, chống cháy, nổ của tàu không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với thuyền viên trong ca trực có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí thở hoặc có sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng.

4. Đối với hành vi tàu thuyền không bố trí đủ định biên an toàn tối thiểu hoặc vượt quá mức cho phép của trang thiết bị cứu sinh trên tàu theo quy định sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

5. Đối với hành vi chở hàng quá tải trọng quy định của tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi chở hàng vượt đến dưới 01% so với trọng tải cho phép;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt từ 01% đến dưới 05% so với trọng tải cho phép;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt từ 05% đến dưới 10% so với trọng tải cho phép;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt trên từ 10% trở lên so với trọng tải cho phép.

6. Đối với hành vi chở hàng vượt quá tải trọng quy định của tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi chở hàng vượt đến dưới 01% so với trọng tải cho phép;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt từ 01% đến dưới 05% so với trọng tải cho phép;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt từ 05% đến dưới 10% so với trọng tải cho phép;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt trên từ 10% trở lên so với trọng tải cho phép.

7. Đối với hành vi chở hàng vượt quá tải trọng quy định của tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi chở hàng vượt đến dưới 01% so với trọng tải cho phép;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt từ 01% đến dưới 05% so với trọng tải cho phép;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt từ 05% đến dưới 10% so với trọng tải cho phép;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt trên từ 10% trở lên so với trọng tải cho phép.

8. Đối với hành vi chở hàng vượt quá tải trọng quy định của tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi chở hàng vượt đến dưới 1% so với trọng tải cho phép;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt từ 01% đến dưới 05% so với trọng tải cho phép;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt từ 05% đến dưới 10% so với trọng tải cho phép;

d) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng vượt trên từ 10% trở lên so với trọng tải cho phép.

9. Đối với hành vi chở khách quá số lượng quy định của tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt đến 5 người so với số lượng cho phép;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt từ 6 đến 10 người so với số lượng cho phép;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt trên 10 người so với số lượng cho phép.

10. Đối với hành vi chở khách quá số lượng quy định của tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt đến 05 người so với số lượng cho phép;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt từ 06 đến 10 người so với số lượng cho phép;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt trên 10 người so với số lượng cho phép.

11. Đối với hành vi chở khách vượt quá số lượng quy định của tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt đến 10 người so với số lượng cho phép;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt từ 11 người đến 20 người so với số lượng cho phép;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt trên 20 người so với số lượng cho phép.

12. Đối với hành vi chở khách vượt quá số lượng quy định của tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt đến 20 người so với số lượng cho phép;

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt từ 21 người đến 30 người so với số lượng cho phép;

c) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi chở khách vượt trên 30 người so với số lượng cho phép.

13. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm được quy định tại các điểm c và d khoản 7; các điểm c và d khoản 8; các khoản 9, 10, 11 và 12 Điều này.

14. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cho rời tàu thuyền số người hoặc dỡ lên khỏi tàu thuyền số lượng hàng hóa chuyên chở vượt quy định đối với các hành vi vi phạm được quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều này.

Điều 37. Vi phạm quy định về neo đậu, neo chờ, cập cầu, cập mạn, lai dắt của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Neo đậu, neo chờ, cập cầu, cập mạn, di chuyển vị trí hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải theo quy định;

b) Không bố trí đủ đèn chiếu sáng, tín hiệu, báo hiệu, dấu hiệu cảnh báo theo quy định khi tàu làm hàng, neo đậu, cập cầu, cập mạn, di chuyển vị trí;

c) Không có đệm chống va theo quy định;

d) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải khi phát hiện thấy sự sai lệch, hư hỏng của các báo hiệu hàng hải tại vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chấp hành hoặc thực hiện sai kế hoạch, lệnh điều động của Cảng vụ hàng hải;

b) Buộc tàu thuyền vào các báo hiệu hàng hải hoặc các kết cấu khác không dùng để buộc tàu theo quy định.

3. Đối với hành vi tàu thuyền vào neo đậu, làm hàng, đón trả hành khách hoặc thực hiện các dịch vụ hàng hải khác tại vị trí chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tàu thuyền neo chờ nhưng không bảo đảm một trong các điều kiện neo chờ theo quy định.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tàu lai dắt, hỗ trợ không theo quy định.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng tàu lai dắt, hỗ trợ theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm được quy định tại điểm a khoản 2 và các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tàu thuyền phải rời khỏi vị trí đối với các hành vi vi phạm được quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc khôi phục nguyên trạng vị trí báo hiệu, kết cấu công trình nếu làm di chuyển vị trí hoặc ảnh hưởng đến kết cấu công trình báo hiệu đối với hành vi vi phạm quy định điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 38. Vi phạm quy định về xếp, chằng buộc hàng hóa trên tàu thuyền

1. Đối với hành vi xếp, chằng buộc hàng hóa của tàu thuyền không đúng quy định sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

2. Đối với hành vi tự ý xếp, chằng buộc hàng hóa của tàu thuyền sau khi đã hoàn thành thủ tục rời cảng theo quy định sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

Điều 39. Vi phạm quy định về vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng mà không có phương án bảo đảm an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 4
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ TÀU THUYỀN VÀ BỐ TRÍ THUYỀN VIÊN; SỬ DỤNG CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN, SỔ THUYỀN VIÊN

Điều 40. Vi phạm quy định về đăng ký tàu thuyền

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Đăng ký tàu thuyền không đúng thời hạn theo quy định;

b) Thiếu một trong các loại giấy chứng nhận, tài liệu của tàu thuyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận, tài liệu đó hết giá trị sử dụng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Khai thác tàu thuyền khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền;

b) Không thực hiện đăng ký thay đổi chủ tàu thuyền theo quy định khi tàu thuyền đã được mua, bán, chuyển quyền sở hữu;

c) Không thực hiện đăng ký thay đổi theo quy định khi tàu thuyền có sự thay đổi tên tàu, địa chỉ chủ tàu, thông số kỹ thuật, công dụng của tàu thuyền, tổ chức đăng kiểm tàu biển;

d) Không thực hiện xóa đăng ký tàu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn một trong các giấy chứng nhận của tàu thuyền;

b) Sử dụng một trong các giấy chứng nhận của tàu thuyền khác, giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa sai lệch nội dung hoặc giấy chứng nhận giả;

c) Cố tình khai báo sai lệnh thông tin; sử dụng giấy tờ tẩy xóa, sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận của tàu thuyền.

4. Đối với hành vi không có hoặc có giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính đối với tàu thuyền chở khách, chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác nhưng đã hết hạn sử dụng theo quy định sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách dưới 50 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 50 người đến dưới 100 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 100 người đến dưới 300 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 300 người trở lên; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc làm thủ tục xóa đăng ký tàu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 41. Vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện thủy nội địa khi vào, rời và hoạt động tại cảng biển

1. Đối với hành vi khai thác tàu thuyền quá niên hạn sử dụng sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối với phương tiện chở hàng nguy hiểm, chở dầu, chở khí hóa lỏng, tàu đệm khí;

b) Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng đối với phương tiện chuyên vận tải hành khách có sức chở trên 12 người mà không phải là tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, khách sạn nổi, nhà hàng nổi, tàu đệm khí;

c) Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện lưu trú du lịch ban đêm.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 02 tháng đến 03 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 42. Vi phạm quy định về bố trí thuyền viên, cấp và sử dụng chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không ghi hoặc ghi không đầy đủ thông tin trong sổ thuyền viên hoặc không khai báo hoặc khai báo không đầy đủ thông tin vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bố trí thuyền viên làm việc trên tàu thuyền không có đủ chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên hoặc có chứng chỉ hành nghề nhưng hết hiệu lực hoặc bố trí chức danh thuyền viên không phù hợp với chứng chỉ hành nghề của thuyền viên;

b) Giao nhiệm vụ cho thuyền viên làm việc trên tàu thuyền không phù hợp với chức danh trong sổ thuyền viên trái quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên giả mạo hoặc đã bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung trái quy định;

b) Sử dụng chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên của người khác để làm việc trên tàu;

c) Cố tình khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ xin cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Mục 5
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 43. Vi phạm quy định về sử dụng hoa tiêu hàng hải của tàu thuyền

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tàu thuyền không treo cờ hiệu hoặc sử dụng đèn hiệu theo quy định khi xin hoa tiêu hoặc khi hoa tiêu có mặt trên tàu.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo hoặc thông báo không chính xác cho hoa tiêu hàng hải biết về đặc điểm và tính năng điều động của tàu thuyền;

b) Không có thang hoa tiêu hoặc thang hoa tiêu không bảo đảm an toàn theo quy định hoặc thang hoa tiêu được bố trí tại nơi không phù hợp hoặc không có các biện pháp bảo đảm an toàn khác cho hoa tiêu lên, rời tàu;

c) Đình chỉ hoặc yêu cầu thay thế hoa tiêu mà không có lý do chính đáng;

d) Đón trả hoa tiêu không đúng địa điểm theo quy định.

3. Đối với hành vi điều khiển tàu vào, rời cảng và di chuyển mà không sử dụng hoa tiêu hàng hải theo quy định sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 1.000 GT;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 1.000 GT đến dưới 3.000 GT;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

Điều 44. Vi phạm quy định về điều động và bố trí hoa tiêu hàng hải

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Gửi kế hoạch hoa tiêu dẫn tàu hàng ngày chậm hơn thời gian quy định hoặc không thông báo về sự thay đổi đột xuất kế hoạch hoa tiêu dẫn tàu cho Cảng vụ hàng hải;

b) Bố trí hoa tiêu không đúng với kế hoạch điều động của Cảng vụ hàng hải mà không báo trước cho Cảng vụ hàng hải biết.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu không phù hợp với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hoặc giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

b) Không cung cấp đầy đủ, kịp thời dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc trên tuyến dẫn tàu được giao mà không có lý do chính đáng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng hoặc không bố trí đủ phương tiện đưa, đón hoa tiêu theo quy định hoặc sử dụng phương tiện đưa, đón hoa tiêu không bảo đảm điều kiện an toàn.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ số lượng hoa tiêu hoặc phương tiện tối thiểu theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ một phần hoạt động dẫn tàu của tổ chức hoa tiêu có thời hạn từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 45. Vi phạm quy định trong khi dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây của hoa tiêu:

a) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải khi phát hiện tai nạn, sự cố hay những thay đổi của luồng hàng hải và báo hiệu hàng hải trong thời gian dẫn tàu;

b) Không thông báo, xác báo cho Cảng vụ hàng hải về thời gian, địa điểm lên tàu, rời tàu hoặc tình hình dẫn tàu theo quy định;

c) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải việc tàu thuyền chạy quá tốc độ cho phép tại khu vực có quy định giới hạn tốc độ và chạy ngược chiều tại luồng một chiều hoặc tránh vượt nhau tại khu vực cấm tránh vượt;

d) Lên tàu chậm hơn thời gian quy định hoặc lên, xuống tàu không đúng địa điểm quy định mà không có lý do chính đáng;

đ) Dẫn tàu vào, rời cảng hoặc di chuyển không đúng theo kế hoạch điều động tàu của Cảng vụ hàng hải hoặc không đúng với tàu được phân công dẫn mà không có lý do chính đáng;

e) Tự ý rời tàu khi chưa có sự đồng ý của thuyền trưởng;

g) Không sử dụng trang phục hoa tiêu theo quy định khi dẫn tàu.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Hoa tiêu hàng hải dẫn tàu vào neo đậu, cập cầu hoặc di chuyển trong vùng nước cảng khi chưa có lệnh điều động hoặc sai vị trí chỉ định của Cảng vụ hàng hải;

b) Từ chối dẫn tàu mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải hoặc tổ chức hoa tiêu hàng hải về việc từ chối dẫn tàu;

c) Tự ý dẫn tàu không đúng tuyến luồng hàng hải đã được công bố;

d) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải ít nghiêm trọng;

đ) Hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí hoặc có sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng khi dẫn tàu.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải nghiêm trọng;

b) Chỉ dẫn cho thuyền trưởng điều động tàu thuyền được dẫn chạy quá tốc độ cho phép từ 01 hải lý/giờ đến 02 hải lý/giờ.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng;

b) Chỉ dẫn cho thuyền trưởng điều động tàu thuyền được dẫn chạy quá tốc độ cho phép trên 02 hải lý/giờ hoặc chạy ngược chiều hoặc tránh vượt nhau tại khu vực cấm tránh vượt.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm được quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải của hoa tiêu hàng hải có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm được quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Mục 6
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN, VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC, DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI BIỂN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

Điều 46. Vi phạm quy định về sử dụng giấy phép và điều kiện kinh doanh vận tải biển, vận tải đa phương thức và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh vận tải đa phương thức không đúng nội dung ghi trong giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;

b) Kinh doanh dịch vụ vận tải biển không đúng nội dung ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh vận tải đa phương thức không có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;

b) Kinh doanh dịch vụ vận tải biển không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;

c) Kinh doanh dịch vụ vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển nhưng không đáp ứng các điều kiện theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục hoạt động kinh doanh khi đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh, tước quyền sử dụng giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện;

b) Cố tình sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc giả mạo trong hồ sơ xin cấp giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

c) Tịch thu giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

Điều 47. Vi phạm quy định về sử dụng giấy phép và điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu pháo hiệu hàng hải không đúng nội dung ghi trong giấy phép nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Xưởng sản xuất, bảo trì báo hiệu không đủ một trong các trang thiết bị phù hợp theo quy định;

b) Không có tàu thuyền chuyên dùng có tính năng phù hợp hoặc không có hợp đồng thuê tàu thuyền chuyên dùng có tính năng phù hợp theo quy định để phục vụ công tác thiết lập, vận hành, bảo trì, sửa chữa, giám sát hoạt động liên tục của hệ thống báo hiệu hàng hải;

c) Không có tàu chuyên dùng theo quy định hoặc không có hợp đồng thuê tàu chuyên dùng theo quy định để phục vụ công tác khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải;

d) Không có tàu khảo sát chuyên dùng để phục vụ công tác khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải theo quy định;

đ) Không có trạm điều tiết chuyên dùng hoặc có trạm điều tiết nhưng không có đủ biên chế hoặc không có ca nô có tính năng phù hợp hoặc không có hợp đồng thuê canô có tính năng phù hợp để phục vụ công tác điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định;

e) Không có đủ phương tiện hoặc trang thiết bị phù hợp để thanh thải chướng ngại vật và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định;

g) Không có đủ trang thiết bị đo đạc, khảo sát, bản đồ phù hợp theo quy định;

h) Không đáp ứng các điều kiện về nhân lực hoặc bộ phận chuyên trách đối với hoạt động dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định;

i) Nhập pháo hiệu hàng hải không có giấy phép nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải;

b) Cố tình sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc giả mạo trong hồ sơ đề nghị giao tuyến dẫn tàu hoặc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số lượng pháo hiệu hàng hải đã được nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm i khoản 3 Điều này.

Điều 48. Vi phạm quy định về trách nhiệm của chủ tàu, người quản lý, khai thác tàu đối với tàu thuyền và thuyền viên

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không bố trí thời gian nghỉ ngơi cho thuyền viên làm việc trên tàu theo quy định;

b) Không bố trí cho thuyền viên nghỉ đủ số ngày nghỉ hàng năm theo quy định;

c) Không thực hiện khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động hàng hải và bệnh nghề nghiệp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không cung cấp nhu yếu phẩm, lương thực, thực phẩm cho thuyền viên làm việc trên tàu theo quy định;

b) Không cung cấp kinh phí cho thuyền viên hồi hương theo quy định;

c) Không thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả gồm điều trị y tế, phẫu thuật, nằm viện, các loại thuốc, trang thiết bị điều trị cần thiết, chi phí ăn, ở của thuyền viên từ khi sơ cứu đến khi thuyền viên bình phục hoặc đến khi xác định là mãn tính; không trả đủ tiền lương ghi trong hợp đồng lao động thuyền viên trong thời gian điều trị;

d) Không thanh toán chi phí mai táng trong trường hợp thuyền viên bị tử vong trên tàu hoặc trên bờ trong thời gian đi tàu;

đ) Không mua bảo hiểm bắt buộc cho thuyền viên làm việc trên tàu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp đầy đủ nguyên, nhiên, vật liệu bảo đảm duy trì hoạt động cho tàu khi đang khai thác tàu.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bố trí thời gian nghỉ ngơi cho thuyền viên theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc cung cấp nhu yếu phẩm, lương thực thực phẩm cho thuyền viên làm việc trên tàu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc cung cấp kinh phí cho thuyền viên hồi hương đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Buộc thực hiện trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều này;

đ) Buộc mua bảo hiểm bắt buộc cho thuyền viên làm việc trên tàu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.

Mục 7
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, HOÁN CẢI, SỬA CHỮA TÀU THUYỀN VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁ DỠ TÀU THUYỀN

Điều 49. Vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải tàu thuyền

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thiết lập và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý an toàn và môi trường theo quy định đối với cơ sở đóng tàu loại 1;

b) Không thiết lập các quy trình công việc đóng mới và hoán cải tàu phù hợp với quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu đối với cơ sở đóng tàu loại 2.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định;

b) Không có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy hoặc không có phương án chữa cháy theo quy định;

c) Không có đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

d) Không có đủ cơ sở vật chất hoặc thiếu một trong những trang thiết bị phục vụ nhu cầu đóng mới, sửa chữa tàu hoặc trang thiết bị không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu theo quy định;

đ) Không có đủ phương tiện tiếp nhận, thu hồi các chất thải từ tàu để xử lý theo quy định;

e) Không có đủ nhân lực hoặc hệ thống, công trình hoặc thiết bị quản lý, xử lý chất thải phát sinh tại cơ sở theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với mỗi hành vi thiếu từ 01 cán bộ kỹ thuật hoặc cán bộ kiểm tra chất lượng hoặc thợ đóng tàu theo quy định.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thiếu từ 02 cán bộ kỹ thuật hoặc cán bộ kiểm tra chất lượng hoặc thợ đóng tàu theo quy định.

Điều 50. Vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ sửa chữa tàu thuyền

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thiết lập các quy trình công việc sửa chữa tàu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định;

b) Không có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy hoặc không có phương án chữa cháy theo quy định;

c) Không có đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

d) Không có đủ cơ sở vật chất hoặc thiếu một trong những trang thiết bị phục vụ nhu cầu đóng mới, sửa chữa tàu thuyền hoặc trang thiết bị không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền theo quy định;

đ) Không có đủ phương tiện tiếp nhận, thu hồi các chất thải từ tàu để xử lý theo quy định;

e) Không có đủ nhân lực hoặc hệ thống, công trình hoặc thiết bị quản lý, xử lý chất thải phát sinh tại cơ sở theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với mỗi hành vi thiếu từ 01 cán bộ kỹ thuật hoặc cán bộ kiểm tra chất lượng hoặc thợ sửa chữa tàu theo quy định.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thiếu từ 02 cán bộ kỹ thuật hoặc cán bộ kiểm tra chất lượng hoặc thợ sửa chữa tàu theo quy định.

Điều 51. Vi phạm các quy định về hoạt động phá dỡ tàu thuyền

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện phá dỡ tàu biển trong thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không lập kế hoạch thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ đối với từng tàu hoặc không có hợp đồng với doanh nghiệp được phép kinh doanh dịch vụ này về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ từng tàu;

b) Không bố trí các khu vực để lưu giữ an toàn các loại chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ tàu thuyền trước khi xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Không xây dựng phương án khắc phục sự cố về môi trường xảy ra trong hoạt động phá dỡ tàu thuyền;

d) Thực hiện phá dỡ tàu thuyền khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với cơ sở có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 8
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN CÔNG-TE-NƠ

Điều 52. Vi phạm quy định về an toàn Công-te-nơ

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không gắn Biển chứng nhận an toàn Công-te-nơ hoặc gắn biển không đúng quy cách hoặc làm sai lệch thông tin ghi trên Biển chứng nhận an toàn Công-te-nơ;

b) Kích thước và nội dung của Biển chứng nhận an toàn Công-te-nơ không đầy đủ hoặc không đúng quy định;

c) Không có giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho Công-te-nơ do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho Công-te-nơ được cấp đã hết hạn sử dụng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Công-te-nơ không được kiểm tra, bảo dưỡng đúng hạn;

b) Sử dụng Công-te-nơ bị hư hỏng, có nguy cơ gây mất an toàn theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Đình chỉ hoạt động của Công-te-nơ có thời hạn từ 02 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Mục 9
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM, CỨU NẠN HÀNG HẢI; TRỤC VỚT TÀI SẢN CHÌM ĐẮM VÀ BÁO HIỆU HÀNG HẢI

Điều 53. Vi phạm quy định về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng hải

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Phát tín hiệu cấp cứu trong khi phương tiện, con người vẫn đang trong tình trạng an toàn mà không có biện pháp cải chính ngay sau đó;

b) Không cung cấp thông tin, dữ liệu về phao Cospas-Sarsat chính xác, đầy đủ và kịp thời phục vụ cho công tác tìm kiếm, cứu nạn theo quy định;

c) Không tham gia diễn tập và thực hiện đầy đủ phương án phối hợp tìm kiếm, cứu nạn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện nghĩa vụ theo quy định về tìm kiếm, cứu nạn hàng hải;

b) Thực hiện chậm trễ lệnh điều động của cơ quan có thẩm quyền để tìm kiếm, cứu nạn theo quy định.

3. Đối với hành vi không thực hiện lệnh điều động của cơ quan có thẩm quyền để tìm kiếm, cứu nạn theo quy định sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 54. Vi phạm quy định về trục vớt tài sản chìm đắm tại cảng biển

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin, thông báo, báo cáo hoặc cung cấp thông tin, thông báo, báo cáo không đúng theo quy định về tài sản chìm đắm tại cảng biển.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc không trình phương án trục vớt tài sản chìm đắm đúng thời hạn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không lắp đặt hoặc lắp đặt không kịp thời báo hiệu phù hợp với vị trí tài sản bị chìm đắm;

b) Thực hiện việc trục vớt hoặc kết thúc việc trục vớt tài sản bị chìm đắm quá thời gian quy định;

c) Trục vớt tài sản chìm đắm khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền;

d) Không bàn giao hoặc bàn giao không đầy đủ tài sản chìm đắm ngẫu nhiên trục vớt được theo quy định;

đ) Không thanh toán các chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định;

e) Trục vớt tài sản chìm đắm mà không thực hiện đầy đủ phương án thăm dò, trục vớt tài sản chìm đắm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không trục vớt tài sản chìm đắm cấp độ 1 theo quy định.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không trục vớt tài sản chìm đắm cấp độ 2 theo quy định.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hoạt động thăm dò, trục vớt tài sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả chi phí trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định đối với các hành vi vi phạm được quy định tại điểm đ khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 55. Vi phạm quy định về báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm che khuất, làm nhiễu hoặc làm suy giảm hiệu lực của báo hiệu hàng hải.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Thiết lập báo hiệu hàng hải sai vị trí quy định;

b) Không thiết lập báo hiệu hàng hải hoặc thiết lập không kịp thời khi có chướng ngại vật gây nguy hiểm;

c) Không kịp thời sửa chữa, khôi phục lại các báo hiệu hàng hải bị hư hỏng hoặc bị trôi dạt;

d) Làm dịch chuyển hoặc hư hỏng báo hiệu hàng hải;

đ) Làm mất hiệu lực hoặc thay đổi đặc tính báo hiệu hàng hải;

e) Thiết lập báo hiệu hàng hải không đúng quy định;

g) Báo hiệu hàng hải đưa vào hoạt động không được công bố Thông báo hàng hải theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Tự ý dịch chuyển báo hiệu hàng hải khác với vị trí ban đầu khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, chấp thuận;

b) Sửa chữa, thay thế báo hiệu hàng hải không đúng với thiết kế được duyệt, trừ trường hợp xử lý sự cố đột xuất theo quy định;

c) Không có hồ sơ thiết kế kỹ thuật của báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải tại đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi hoặc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định do các hành vi vi phạm được quy định tại khoản 1, điểm d và điểm đ khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này.

Mục 10
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN

Điều 56. Vi phạm quy định về đào tạo, huấn luyện thuyền viên

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không tiếp nhận và tạo điều kiện thuận lợi cho học viên thực tập trên tàu biển theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện đúng quy chế tuyển sinh;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung, chương đào tạo, huấn luyện theo khung chương trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn thực hành không đúng quy định;

d) Thiếu một trong những trang, thiết bị phục vụ huấn luyện, đào tạo theo quy định hoặc trang, thiết bị không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật;

đ) Không thực hiện đúng quy chế thi, kiểm tra đối với học viên;

e) Tổ chức đào tạo tại địa điểm không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Thiếu 01 giảng viên hoặc huấn luyện viên hoặc giảng viên, huấn luyện viên không có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định;

b) Tỷ lệ học viên/giảng viên, huấn luyện viên vượt quá quy định cho phép đến 20%.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sau:

a) Thiếu từ 02 giảng viên hoặc huấn luyện viên hoặc giảng viên, huấn luyện viên không có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính hoặc chứng chỉ tương đương trở lên theo quy định;

b) Tỷ lệ học viên/giảng viên, huấn luyện viên vượt quá quy định cho phép trên 20%.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Mục 11
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU, QUẢN LÝ TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI LỎNG CÓ DẦU TỪ TÀU BIỂN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 57. Vi phạm quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu; kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất độc; kế hoạch hoạt động chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng nguồn lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.

Điều 58. Vi phạm quy định về hoạt động quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển tại cảng biển

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kết quả giao, nhận, xử lý chất thải lỏng có dầu tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi tàu biển vào cảng biển không khai báo hoặc khai báo không đúng cho Cảng vụ hàng hải tại khu vực về số lượng nước thải lẫn dầu có trên tàu khi cập cảng.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển mà không có kế hoạch giao, nhận chất thải lỏng được Cảng vụ hàng hải tại khu vực chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cảng biển, bến cảng không trang bị phương tiện tiếp nhận hoặc trạm xử lý chất thải lỏng có dầu hoặc không có danh mục các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu do Cảng vụ hàng hải tại khu vực cung cấp theo quy định.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chuyển giao chất thải lỏng có dầu từ tàu biển tới phương tiện tiếp nhận khi chưa được chấp thuận của Cảng vụ hàng hải tại khu vực.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển mà không được cấp phép hành nghề theo quy định.

Chương III
THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Mục 1
THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 59. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định

tại các Điều 60, 61, 62, 63, 64, 65 và 66 của Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của mình, phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải phải kịp thời ngăn chặn và lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên tàu biển thì thuyền trưởng hoặc người được thuyền trưởng giao có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu biển về đến bến cảng.

Mục 2
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 60. Thẩm quyền của Thanh tra

1. Thanh tra viên thuộc thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Thanh tra viên chuyên ngành hàng hải, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành hàng hải đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Hàng hải Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 50.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Giao thông vận tải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 70.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 61. Thẩm quyền của Cảng vụ hàng hải

1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 10.000.000 đồng.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cảng vụ hàng hải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 62. Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam có quyền:

1. Phạt cảnh cáo.

2. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 63. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

1. Phạt cảnh cáo.

2. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 64. Thẩm quyền của lực lượng Công an nhân dân

1. Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại: điểm d và điểm e khoản 2 Điều 12; các Điều 13, 18, 28, 30; các khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 10 Điều 33; điểm a khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 35 của Nghị định này.

2. Mức phạt tiền tối đa và thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân được thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 24 và Điều 39 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 65. Thẩm quyền của lực lượng Bộ đội biên phòng

1. Lực lượng Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại các khoản 3, 4 Điều 19; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, điểm e khoản 5 và khoản 10 Điều 33; các Điều 34, 35, 36, 37, 40 và 42 của Nghị định này.

2. Mức phạt tiền tối đa và thẩm quyền xử phạt của lực lượng Bộ đội biên phòng thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 24 và Điều 40 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 66. Thẩm quyền của lực lượng Cảnh sát biển

1. Lực lượng Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại các khoản 4, điểm e khoản 5 và khoản 6 Điều 33; các Điều 34, 35, 36, 37, 40 và 42 của Nghị định này.

2. Mức phạt tiền tối đa và thẩm quyền xử phạt của lực lượng Cảnh sát biển thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 24 và Điều 41 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Hướng dẫn về thu, nộp, quản lý sử dụng khoản tiền buộc nộp lại của tổ chức, cá nhân

Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể việc thu, nộp và quản lý sử dụng khoản tiền buộc nộp lại của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

Điều 68. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải xảy ra trước ngày có hiệu lực thi hành nhưng được phát hiện, xử lý sau ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định này thì áp dụng các quy định xử phạt theo nguyên tắc có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

Điều 69. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2018 và thay thế Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.

Điều 70. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc